

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-PT

Ngày 21 - 11 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn
và chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 30/2018/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 44/2018/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Y P, sinh năm 1995. Trú tại: Ấp H1, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1989. Trú tại: Ấp H1, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957

2. Bà Võ Thị G, sinh năm 1959

Cùng trú tại: Ấp H1, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. Chị Nguyễn Bích H, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Anh Trần Bình T, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng trú tại: Ấp H2, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967. Trú tại: Ấp H1, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Văn U và bà Võ Thị G.

(*Chị P, ông T, bà G, bà H có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Y P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh U kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, chị cũng không còn tình cảm với anh U nên yêu cầu được ly hôn với anh U.

Về con: Chị và anh U không có con chung, con nuôi, con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản: Ngày hỏi cưới của chị và anh U được cha mẹ chồng là ông T, bà G cho 6,6 chỉ vàng 24K; bên ngoài cho 01 chỉ vàng 24K và 05 phân vàng 18K; đối với số vàng 6,6 chỉ vàng 24K thì chị và anh U gửi cho ông T, bà G quản lý, chị và anh U có bán 05 phân vàng 18K để trả tiền hình cưới, còn lại 01 chỉ vàng 24K thì hiện do chị đang quản lý. Trong thời gian đi làm ở thành phố thì chị và anh U có gửi về cho ông T, bà G giữ dùm 34.500.000 đồng. Do đó, chị yêu cầu ông T, bà G trả lại số tiền 34.500.000 đồng và số vàng 6,6 chỉ vàng 24K để chị và anh U chia tài sản khi ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P đã rút lại yêu cầu về việc đòi ông T, bà G trả lại số vàng 6,6 chỉ vàng 24K và số tiền 13.000.000 đồng, chị P chỉ yêu cầu bà G, ông T trả lại số tiền 21.500.000 đồng để chị và anh U chia tài sản chung vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn U trình bày: Về hôn nhân và về con thì anh U thống nhất với trình bày của chị P. Về tài sản: Trong ngày cưới, cha mẹ anh là ông T, bà G có cho anh và chị P 6,6 chỉ vàng 24K; bên ngoài cho 02 chỉ vàng 24K, chị P đã bán 05 phân vàng 24K để trả tiền hình cưới, còn lại 1,5 chỉ vàng 24K chị P đang quản lý nên anh yêu cầu chia đôi số vàng này với chị P. Còn lại số vàng cưới cha mẹ anh cho thì anh và chị P đã bán hết để chi xài chứ không có gửi cho cha mẹ anh quản lý như chị P trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị G thống nhất trình bày: Đối với số vàng 6,6 chỉ vàng 24K mà vợ chồng ông bà cho anh U, chị P trong ngày cưới thì anh U, chị P đã bán hết và chi xài hết, ông bà không có quản lý số vàng này. Đối với số tiền 21.500.000 đồng thì đây là số tiền

mà anh U, chị P gửi cho ông bà chi xài chứ không phải gửi ông bà quản lý dùm nên ông bà không đồng ý trả lại theo yêu cầu của chị P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Bích H trình bày: Chị H có nhận số tiền do anh U và chị P gửi về từ Bưu điện xã V số tiền 8.000.000 đồng và đã đưa lại hết cho bà G, ông T. Chị và chồng chị là anh Trần Bình T không có liên quan gì đến số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H có nhận tiền do con bà H nói P và U gửi về cho ông T và bà G hai lần với số tiền là 7.500.000 đồng và đã đưa lại hết cho bà G số tiền này, nên bà H không liên quan gì đến số tiền này.

Từ nội dung trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 44/2018/HNGĐ-ST ngày 14/8/2018 và Quyết định sửa chữa, bổ sung số 13/2018/QĐ-SCBSBA ngày 27/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Y P và anh Nguyễn Văn U.

2. Về con chung: Chị P và anh U không có con nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản:

- Đình chỉ yêu cầu của chị P đòi ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị G trả 06 chỉ 06 phân vàng 24K và 13.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu chia 05 phân vàng 24K của anh U đối với chị P.

- Chấp nhận yêu cầu còn lại của chị Nguyễn Y P đối với ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị G. Buộc ông T và bà G trả cho chị P số tiền 10.750.000 đồng và trả cho anh U số tiền 10.750.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu chia tài sản của chị P và anh U. Tài sản chung của anh U và chị P là 08 chỉ 01 phân vàng 24K, chia cho chị P và anh U mỗi người được hưởng 04 chỉ 05 ly vàng 24K. Chị P đang quản lý 01 chỉ 05 phân vàng 24K nên buộc anh U có nghĩa vụ giao trả cho chị P 02 chỉ 05 phân 05 ly vàng 24K. Phần tài sản anh U được hưởng là 04 chỉ 05 ly vàng 24K anh U đã sử dụng hết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, Luật Thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/8/2018, bị đơn anh Nguyễn Văn U kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý việc chia 06 chỉ 06 phân vàng 24K cho chị P, anh Nguyễn Văn U có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Ngày 28/8/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý trả số tiền 21.500.000 đồng cho anh U và chị P. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Thị G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn U và chấp nhận một phần kháng cáo của bà Võ Thị G; Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 44/2018/HNGĐ-ST ngày 14/8/2018 về việc không buộc bà G trả cho anh U số tiền 10.750.000 đồng và sửa một phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn U không đồng ý chia 06 chỉ 06 phân vàng 24K với chị P, anh U cho rằng số vàng trên vợ chồng cùng nhau bán hết để chi xài cá nhân; chị P không thừa nhận lời trình bày của anh U mà cho rằng anh U tự đi bán vàng và anh U tự chi xài hết. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh U và chị P cùng thống nhất có tài sản chung là 06 chỉ 06 phân vàng 24K. Tuy nhiên, anh U xác định số vàng trên đã không còn, anh chị cùng nhau bán toàn bộ để chi xài nhưng anh U không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của anh, trong khi chị P lại không thừa nhận có cùng anh U bán vàng để chi xài trong gia đình. Do đó, có cơ sở xác định anh U là người quản lý 06 chỉ 06 phân vàng 24K tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do anh U đã thừa nhận bán và chi xài hết nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định 06 chỉ 06 phân vàng 24K cùng với số vàng 1,5 chỉ 24K chị P đang trực tiếp quản lý là tài sản chung, chia đôi tài sản khi ly hôn cho anh U, chị P mỗi người 04 chỉ 05 ly vàng 24K là phù hợp. Chị P đang quản lý 1,5 chỉ vàng 24K giữ nguyên và buộc anh U có nghĩa vụ phải hoàn lại cho chị P 02 chỉ 05 phân 05 ly vàng 24K là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo này của anh Nguyễn Văn U.

[3] Xét kháng cáo của bà Võ Thị G không đồng ý trả số tiền 21.500.000 đồng cho anh U, chị P. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T, bà G xác định số tiền trên được anh U, chị P tặng cho, trong khi chị P lại xác định chỉ nhờ vợ chồng ông T, bà G giữ dùm. Căn cứ vào sự thừa nhận của bà G, ông T có cơ sở xác

định ông bà có quản lý số tiền 21.500.000 đồng, là tài sản chung của chị P, anh U trong thời kỳ hôn nhân. Bà G cho rằng đã được vợ chồng chị P tặng cho nhưng bà G không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của bà G, trong khi chị P lại không thừa nhận việc tặng cho số tiền trên nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của anh U, chị P và buộc ông T, bà G phải trả số tiền trên cho anh U, chị P là có căn cứ. Tuy nhiên, suốt quá trình tham gia tố tụng, anh U xác định số tiền anh và chị P gửi về cho ông T, bà G là của vợ chồng anh tặng cho cha, mẹ chứ không phải nhờ giữ dùm và anh U đồng ý cho ông T, bà G số tài sản mà anh được chia là 10.750.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến tự nguyện này của anh U. Vì vậy, bà G và ông T không phải trả cho anh U số tiền 10.750.000 đồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo này của bà G.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà Võ Thị G; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn U, chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 44/2018/HNGĐ-ST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Án phí sơ thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm về nghĩa vụ trả tiền của ông T, bà G cho anh U nên cần sửa một phần về án phí sơ thẩm. Như đã phân tích, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà G, buộc bà G và ông T trả cho chị P số tiền 10.750.000 đồng, không buộc ông T và bà G trả cho anh U số tiền 10.750.000 đồng nên ông T bà G phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 537.500 đồng; chị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch đối với giá trị tài sản được chia; đối với anh U do tài sản được chia là 04 chỉ 05 ly vàng 24K x 3.425.000 đồng/chỉ thành tiền là 13.871.250 đồng, nên phải chịu án phí là 693.562 đồng.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị G không phải chịu, anh Nguyễn Văn U phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 246, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 55 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Võ Thị G, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn U. Sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm

số 44/2018/HNGĐ-ST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Y P và anh Nguyễn Văn U.

2. Về con chung: Chị P và anh U không có con nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản:

- Đình chỉ yêu cầu của chị P đòi ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị G trả 06 chỉ 06 phân vàng 24K và 13.000.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu chia 05 phân vàng 24K của anh U đối với chị P.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Y P đòi ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị G trả lại tiền gửi giữ. Buộc ông T và bà G trả cho chị P số tiền 10.750.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu chia tài sản của chị P và anh U. Chia cho chị P và anh U mỗi người được hưởng 04 chỉ 05 ly vàng 24K. Anh U đang quản lý số vàng 04 chỉ 05 ly vàng 24K được giữ nguyên. Chị P đang quản lý 01 chỉ 05 phân vàng 24K được giữ nguyên. Buộc anh U giao trả chị P 02 chỉ 05 phân 05 ly vàng 24K.

4. Về án phí:

4.1. Án phí sơ thẩm:

- Buộc chị Nguyễn Y P phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình và phải nộp 1.231.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch. Chị P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 900.000 đồng theo Biên lai thu số 0010397 ngày 27/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 900.000 đồng, chị P phải nộp tiếp số tiền 631.000 đồng.

- Buộc anh Nguyễn Văn U phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 693.562 đồng. Anh U đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0010428 ngày 13/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng, anh U phải nộp tiếp số tiền 393.562 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị G phải nộp án phí số tiền 537.500 đồng.

4.2. Án phí phúc thẩm:

- Bà Võ Thị G không phải nộp; bà G đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0013658 ngày 28/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại số tiền 300.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn U phải nộp số tiền 300.000 đồng; anh U đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0013665 ngày 31/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện P (01 bản);
- CCTHADS huyện P (01 bản);
- Các đương sự (07 bản);
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Châu Minh Nguyệt